

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 333/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1990;

- Chị Đỗ Thị B, sinh năm: 1995;

Cùng địa chỉ: Làng Ia L, phường Chi L, TP. P, tỉnh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03/6/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Đỗ Thị B thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Anh T, chị B có 02 con chung.

+ Nguyễn Đỗ Ngọc T, sinh ngày: 07/10/2015.

+ Nguyễn Khánh Đ; sinh ngày: 04/3/2020.

Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Đỗ Ngọc T và Nguyễn Khánh Đ cho mẹ là Đỗ Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Đỗ Ngọc T và Nguyễn Khánh Đ thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị B thống nhất tự thỏa thuận giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị B tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5]- Về nghĩa vụ chịu lệ phí Tòa án: Tiền lệ phí giải quyết hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 150.000đ, chị Đỗ Thị B phải chịu 150.000đ để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Anh Nguyễn Ngọc T và chị Đỗ Thị B thống nhất thoả thuận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh T và chị B có 02 con chung.

+ Nguyễn Đỗ Ngọc T, sinh ngày: 07/10/2015.

+ Nguyễn Khánh Đ; sinh ngày: 04/3/2020.

Hai bên thống nhất thoả thuận giao cháu Nguyễn Đỗ Ngọc T và Nguyễn Khánh Đ cho mẹ là Đỗ Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Đỗ Ngọc T và Nguyễn Khánh Đ thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T, chị B thống nhất tự thoả thuận giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Anh T, chị B tự thoả thuận giải quyết không yêu cầu tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí:** Tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), anh T, chị B tự nguyện chịu toàn bộ để sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000^d theo biên lai số 0001771 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G. Anh T, chị B đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Số 50 ngày 08/7/2015);
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Xuân Hồng